Tên: ……..

Lớp: S5…

Ngày làm bài: Thứ ...., ngày ..../....

Đọc: …..

GLOBAL ENGLISH 5

Unit 1: Talking about people - Grammar 1 & KET Reading

📌 Mẹo 1: Gạch dưới từ khóa (Underline keywords)

Trước khi đọc, hãy gạch dưới những từ quan trọng trong câu hỏi để hiểu rõ mục tiêu cần tìm trong đoạn thông tin.

🔍 **Ví dụ:**

Câu hỏi: **B. <u>Students</u>** of **<u>all ages</u>** can **<u>take part in</u>** the **<u>competition</u>**.

Đoạn văn ghi: "Open to all students aged **<u>between 10 and 17 years old</u>**"

→ "all ages" không đúng

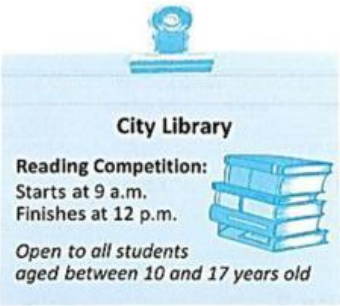

📌 Mẹo 2: Diễn đạt khác (Paraphrasing)

Bài đọc thường không dùng lại nguyên từ trong đáp án nên cần nhận ra các cách diễn đạt tương đương về nghĩa.

🔍 **Ví dụ:**

Câu hỏi: **<u>Adults</u>** can't take part in the competition.

Đoạn văn ghi: "Open to all students aged **<u>between 10 and 17 years old</u>**"

→ Người lớn (trên 18 tuổi) không được tham gia

❖ **Extra vocabulary**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**platform** (n)	sân ga (tàu)	3	**available** (adj)	có sẵn
2	**usual** (adj)	thông thường			

❖ ***Note***: *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1.

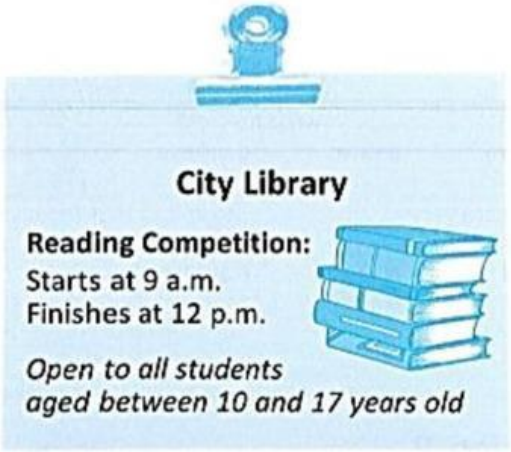

A. The library is open for three hours.

B. Students of all ages can take part in the competition.

C. Adults can't take part in the competition.

2.

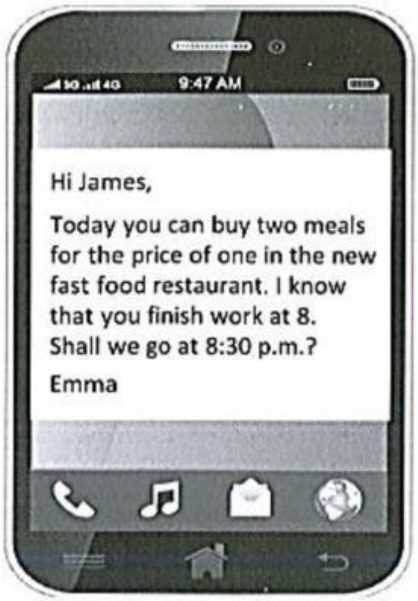

A. Emma knows that James can't go out before 8 p.m.

B. Emma and James will both have a free meal today.

C. Emma wants to meet James in the morning.

3.

Why have the train times changed?

A. More passengers prefer the train than the bus.

B. One platform cannot be used.

C. Buses will stop running at the weekend.

LIVEWORKSHEETS

4.

A. Jim will wait for Anna to take the next bus.

B. Jim wants Anna to tell the teacher about his delay.

C. Jim tells Anna that he will go to school on foot.

5.

A. The offer is available all week.

B. 2 kilograms of sweets cost £1.50 more than 1 kilogram.

C. You can buy chocolate at half its usual price.

6.

Why did Marina write this message?

A. to ask Susan to help her find her school bag

B. to tell Susan what happened to her

C. to tell Susan that she has done her homework

LIVEWORKSHEETS

Tên: …….. **Ngữ pháp:** …..

Lớp: S5… **Đọc:** …..

Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

GLOBAL ENGLISH 5

Unit 1: Talking about people - Grammar 1 & KET Reading

A. GRAMMAR: Present simple with verbs *(Hiện tại đơn với động từ)*

- **Cách dùng:** Được sử dụng để nói về **thói quen**, **sự thật hiển nhiên**, **lịch trình**, hoặc **hành động lặp đi lặp lại** trong hiện tại.
- **Dấu hiệu nhận biết:** every day / week / morning, usually, always, often, sometimes, never,...

	Công thức	Ví dụ
Positive *(khẳng định)*	S + **V(s/es)**	- I **play** football. - He **plays** the guitar.
Negative *(phủ định)*	S + **do/does + not + V-inf**	- They **don't like** fish. - She **doesn't go** to school on Sunday.
Yes/No Question *(câu hỏi yes/no)*	**Do/Does** + S + **V-inf**? → Yes, S + **do/does**. → No, S + **do/does + not**.	- **Do** you **like** pizza? → Yes, I **do**. / No, I **don't**. - **Does** he **play** the piano? → Yes, he **does**. / No, he **doesn't**.
Wh -Question *(câu hỏi Wh-)*	**Wh-word + do/does** + S + **V-inf**?	- **What do** they **eat**? - **Where does** she **live**?

***Note**: S: chủ ngữ; V(s/es): động từ thêm s/es; V-inf: động từ nguyên mẫu; do not = don't; does not = doesn't.*

Lưu ý: Thêm -s/-es cho động từ khi **S = he / she / it** (chỉ dùng trong **câu khẳng định**)

- **Quy tắc sử dụng s/es:**

- Với các danh từ và động từ có tận cùng là **o, ch, s, x, sh, z** thì sẽ thêm đuôi es.
VD: do → does, watch → watches, go → goes, box → boxes, kiss → kisses, rich → riches.
- Một mẹo nhỏ để dễ ghi nhớ hơn, có thể áp dụng câu thần chú: ***"O Chanh Sợ Xấu Shợ Zà".***

WH-WORDS CƠ BẢN

Từ để hỏi	Nghĩa	Dùng để hỏi về	Từ để hỏi	Nghĩa	Dùng để hỏi về
What	Cái gì	Sự vật, hành động	Where	Ở đâu	Địa điểm
When	Khi nào	Thời gian	Who	Ai	Người
Whose	Của ai	Sở hữu	Why	Tại sao	Lý do
Which	Cái nào	Sự lựa chọn	How	Như thế nào	Cách thức

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**discount** (n/v)	sự giảm giá / giảm giá	3	**entrance** (n)	lối vào, cổng vào
2	**frozen food** (n)	thực phẩm đông lạnh			

- ***Note**: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*
- Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

I. Fill in the blanks using "Do" or "Does".

0. *Does* he watch TV?

1. _____ you wake up at 9 o'clock?

2. _____ Lola and Jess eat bananas for lunch?

3. _____ Jane carry the bags to school?

4. _____ he fix the car?

5. _____ our friends read books?

II. Fill in the blanks with the correct form of the verbs.

0. *He watches* ***(watch)*** *TV at 6 a.m. every morning.*

1. Lyn _____ **(go)** to school at 7 a.m. every day.

2. When _____ she _____ **(have)** lunch at school every day?

3. We _____ **(make)** cakes every weekend.

4. Water _____ **(not freeze)** when it's not cold enough.

5. I _____ **(not like)** my sister.

III. Look at the pictures and write sentences. Use PRESENT SIMPLE.

0. *She / run* → *She doesn't run.* 	1. He / dig a hole → _____ 	2. They / plant a tree → _____ 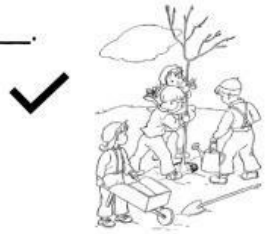
3. I / water the plant → _____ 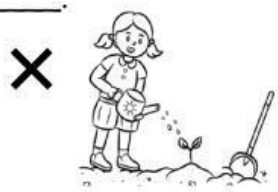	4. He / measure her height → _____ 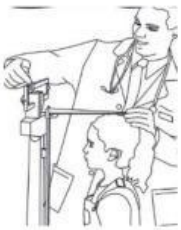	5. The cat / chase the mouse → _____

LIVEWORKSHEETS

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1.

NEW SMARTPHONE

Price: £200
10% Discount for students
A free phone case with every phone on Saturday.

A. The new smartphone has a special price at the weekend.

B. People studying have to pay less to buy the new smartphone.

C. The free gift is only available on weekdays.

2.

New message

To: Jeremy
From: Fred

Hi Jeremy,
I'm going to visit a university this Friday. If I pass my exams, I want to be a student at this one. Do you want to come with me?
Fred

Why did Fred send this email to Jeremy?

A. to tell Jeremy that he passed his exams

B. to tell Jeremy that he'll visit a university next week

C. to ask Jeremy to join him when he visits a university

3.

MARIO & STELLA'S WEDDING

The wedding is at 12 p.m. Please arrive at the church no earlier than 11 a.m. Lunch will be at the restaurant next door. Please leave presents in the hall as you go in for lunch.

A. The place guests will have lunch is not far away.

B. Guests can arrive at the church before 11 a.m.

C. Guests should leave the presents at the church.

LIVEWORKSHEETS

4.

Priscilla is excited because

A. she has never been on a plane before.

B. the flight is a couple of hours long.

C. she is travelling in a large plane.

5.

A. You can't post letters at the shop.

B. The shop will open an hour earlier in July.

C. Frozen food is available all day.

6.

A. Students can ask about the trip any day this week.

B. All students need to pay at the school office.

C. Some students can pay less for the trip.

LIVEWORKSHEETS

PART 1 Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1.

A. Entrance to the museum is free for children.

B. The science exhibition is open all week.

C. Adults pay a total of £12 to see the exhibition.

2.

A. Bob and Simon will go to the factory together.

B. Bob and Simon will have lunch at the factory.

C. Bob and Simon won't go to the office on Monday.

3.

A. You can only contact Stuart by phone.

B. There is a music event next week.

C. The event has many types of music.

LIVEWORKSHEETS

4.

A. Emma doesn't want to see a film on TV.

B. Helen wants Emma to go with her to the cinema.

C. Helen will stay at home tonight.

5.

A. If there are no signs, call 999.

B. The green signs show the safe area.

C. People aren't allowed to swim on this beach.

6.

A. There will be no cold food at the party.

B. Jane's friends from work are coming.

C. Friends will arrive after ordering the hot food.

SELF-REFLECTION

1. How much do you understand the lesson?

1 2 3 4 5

2. How do you feel after the lesson?

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.

Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS